

Hạch toán Thu nhập Quốc dân

FETP 2010

Nội dung

1. Sản lượng quốc gia - tâm điểm KTH vĩ mô?
2. Sản lượng quốc gia - đo lường?
3. Mức giá chung và tỷ lệ lạm phát – đo lường?
4. Trao đổi sản lượng giữa các nước - ý nghĩa?
5. Cửa cải và sản lượng – yếu tố nào quan trọng hơn?

Sản lượng quốc gia - tâm điểm của kinh tế học vĩ mô

- A và B với 2 kịch bản cho vay 10 con bò (10%)
 - Kịch bản nào xảy ra trong đời thực?
- Sản phẩm và dịch vụ (Goods & Services)
- Mức sống
- Giá trị thực và danh nghĩa

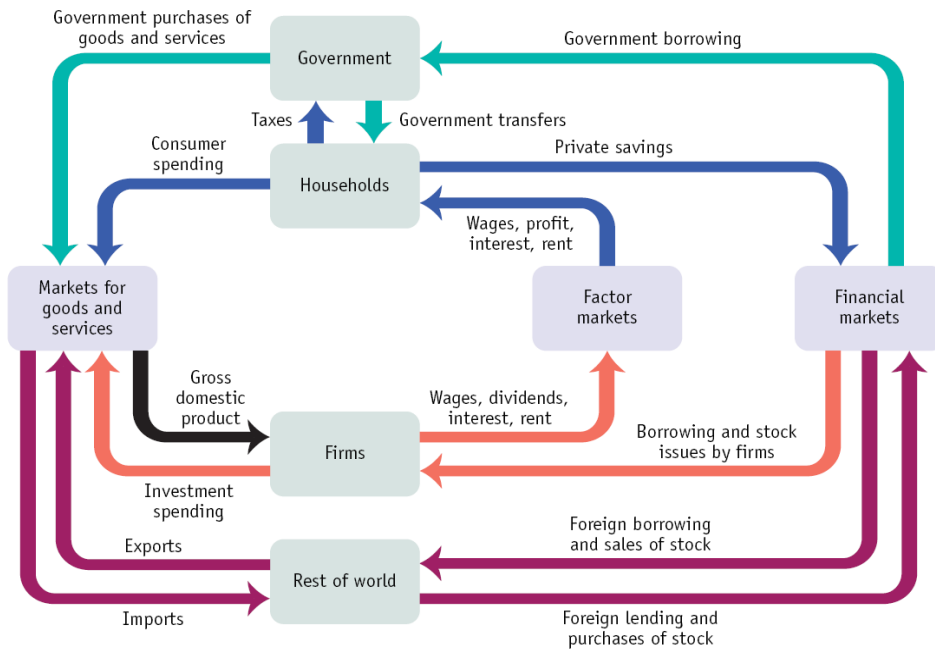
Tài khoản quốc gia -The National Accounts

- Kết quả hoạt động kinh tế theo một bộ số liệu
 - Hạch toán sản xuất/thu nhập quốc dân.
- **Dòng tiền** – flows of money, giữa các bộ phận khác nhau của nền kinh tế.
 - Trữ lượng (Stock) và lưu lượng (Flow)?
 - Các bộ phận của nền kinh tế?
 - Các khu vực (G, H, F, ROW)
 - Các thị trường

“Stocks” và “Flows”

- Ví dụ về hồ nước
 - “Stocks”: Trữ lượng/Tích lượng/Biến điểm
 - “Flows”: Luồng/Lưu lượng/Biến kỳ
- Một số ví dụ liên quan đến khái niệm kinh tế:
 - Cửa cải và thu nhập
 - Trữ lượng vốn K và đầu tư mới I
 - ...

Sơ đồ vòng chu chuyển – Các dòng tiền trong nền kinh tế



GDP và đo lường

- GDP?
 - Giá trị thị trường của toàn bộ sản phẩm và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi lãnh thổ một quốc gia trong khoảng thời gian nhất định (1 năm).
 - Công thức đơn giản

$$GDP = \sum_{i=1}^n V_i = \sum_{i=1}^n P_i \cdot Q_i$$

- Quan hệ: Sản xuất – Thu nhập – Chi tiêu
- Ba phương pháp tính GDP:
 - Giá trị gia tăng
 - Thu nhập
 - Chi tiêu
- $GDP = Y = C + I + G + EX - IM$

Ba phương pháp đo lường GDP

Total spending on domestically produced final goods and services = \$21,500

	American Ore, Inc.	American Steel, Inc.	American Motors, Inc.	Total factor income
Value of sales	\$4,200 (ore)	\$9,000 (steel)	\$21,500 (car)	
Intermediate goods	0	4,200 (iron ore)	9,000 (steel)	
Wages	2,000	3,700	10,000	\$15,700
Interest payments	1,000	600	1,000	2,600
Rent	200	300	500	1,000
Profit	1,000	200	1,000	2,200
Total expenditure by firm	4,200	9,000	21,500	
Value added per firm	4,200	4,800	12,500	
= Value of sales – cost of intermediate goods				

Total payments to factors = \$21,500

Sum of value added = \$21,500

GDP Việt Nam 2007

Hai phương pháp đo lường

	% GDP	Tỷ đồng
Chính phủ mua HH&DV (G)	5.90%	57,454
Đầu tư (I)	35.70%	347,643
Tiêu dùng (C)	62.80%	611,540
Xuất khẩu ròng (X-IM)	-3.30%	-32,135
Sai số trong thống kê	-1.10%	-10,712
GDP	100.00%	973,790
VA Nông nghiệp	20.36%	198,264
VA Công nghiệp và xây dựng	41.54%	404,512
VA Dịch vụ	38.10%	371,014

Nguồn: International Monetary Fund, Country Report 12/2007

Đo lường GDP

- GDP được xác định bởi 3 cách:
 - Cộng giá trị gia tăng (**value added**) của tất cả các nhà sản xuất;
 - Cộng tất cả chi tiêu vào HH&DV cuối cùng được sản xuất trong nước,
 - $GDP = C + I + G + EX - IM$
 - Cộng tất cả thu nhập trả cho các yếu tố sản xuất.

Đo lường GDP

Bao gồm

- HH&DV cuối cùng được sản xuất trong nước
- Bao gồm cả HH vốn (capital goods)
- Cơ sở hạ tầng xây dựng mới (New construction of structures)
- Thay đổi tồn kho (Changes to inventories)

Không bao gồm

- HH&DV trung gian hay nhập lượng (Intermediate goods and services/Inputs)
- Hàng đã qua sử dụng (Used goods)
- Tài sản tài chính (Financial assets: stocks, bonds ..)
- HH&DV sản xuất ở nước ngoài (Foreign-produced goods and services)
- Ngoài ra, các giao dịch không liên quan đến sản xuất HH&DV mới:
 - Chuyển nhượng và phúc lợi của chính phủ
 - Capital losses and gains

Các đo lường khác

- **NDP** (sản phẩm quốc nội ròng) = GDP – khấu hao (hay khoản tiêu dùng vốn)
- **NI** (thu nhập quốc dân) = NDP – thuế kinh doanh gián thu + trợ giá
- **PI** (thu nhập cá nhân) = NI – (thuế kinh doanh + lợi nhuận giữ lại + bảo hiểm xã hội) + thanh toán chuyển nhượng
- **DI** (thu nhập khả dụng) = PI – thuế cá nhân
- **GNP = GNI**
 - GNI = GDP + Thu nhập yếu tố ròng từ nước ngoài
 - Thu nhập yếu tố ròng từ nước ngoài = NFP hay NIA

GDP danh nghĩa và thực

- **GDP thực**: giá trị HH&DV cuối cùng sản xuất ra, căn cứ vào giá của năm cơ sở-base year.
- Ngoại trừ năm cơ sở, GDP thực không giống GDP danh nghĩa (theo giá hiện hành-current prices).
- GDP thực bình quân đầu người - Real **GDP per capita** đo lường sản lượng bình quân đầu người.

Đo lường GDP và GDP thực trong một nền kinh tế đơn giản

	Year 1	Year 2
Quantity of apples (billions)	2,000	2,200
Price of apple	\$0.25	\$0.30
Quantity of oranges (billions)	1,000	1,200
Price of orange	\$0.50	\$0.70
GDP (billions of dollars)	\$1,000	\$1,500
Real GDP (billions of year 1 dollars)	\$1,000	\$1,150

GDP thực và danh nghĩa Việt Nam

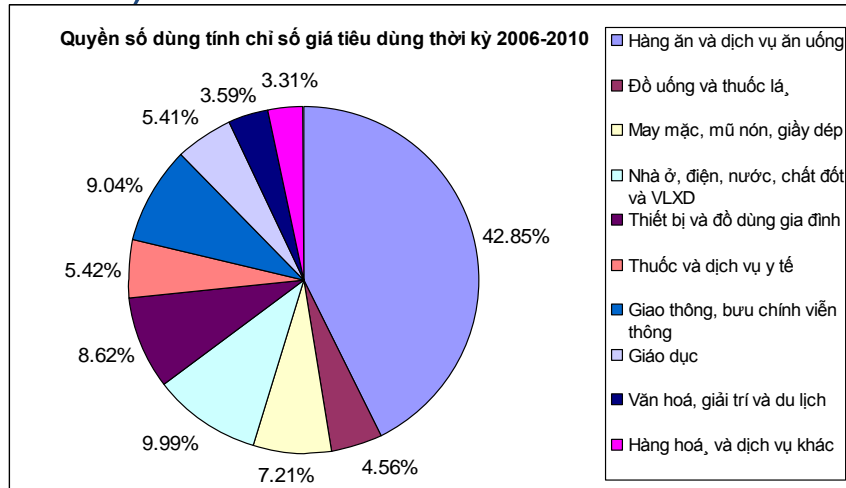
Năm	GDP danh nghĩa (Tỷ đồng)	GDP thực (Tỷ đồng)
1990	41,955	131,968
1992	110,532	151,782
1994	178,534	178,534
1996	272,036	213,833
1998	361,017	244,596
2000	441,646	273,666
2002	535,762	313,247
2004	715,307	362,435
2005	839,211	393,031
2006	974,266	425,373
Sơ bộ 2007	1,144,015	461,443

Nguồn: Tổng cục Thống kê, <http://www.gso.gov.vn>

Mức giá chung

- Mức giá chung và chỉ số giá
- Hai loại chỉ số giá CPI (Laspeyres) và GDP deflator (Paasche)
- Tỷ lệ lạm phát

Quyền số CPI Việt Nam (2006 – 2010)



Nguồn: Tổng cục Thống kê, <http://www.gso.gov.vn>

Số liệu giá cả Việt Nam, 2005-2009

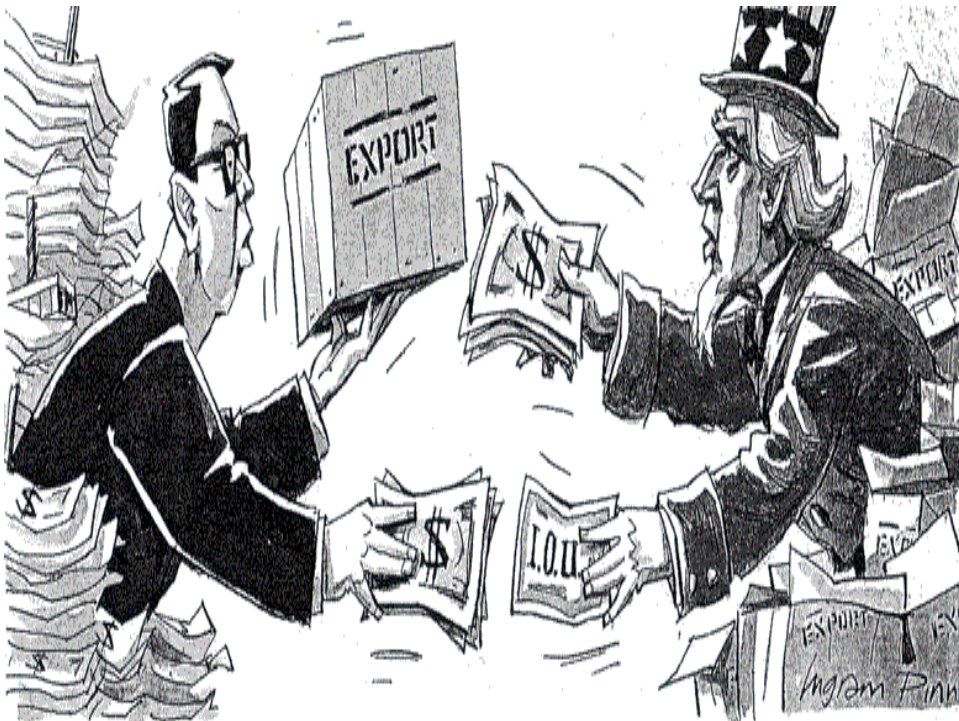
Nguồn: Báo cáo KT-XH hàng tháng, Tổng cục Thống kê (2009)

Giả sử chọn năm 2004 làm năm gốc, hãy tính chỉ số giá tiêu dùng CPI của Việt Nam cho các năm từ 2005 đến 2009?

	2005	2006	2007	2008	2009
Tỷ lệ lạm phát theo CPI (%)	8,4	6,6	12,63	19,89	6,52

Trao đổi sản lượng giữa các quốc gia - ý nghĩa kinh tế

- Nền kinh tế mở:
 - Thu nhập $Y = C + I + G + EX - IM$
 - Chi tiêu nội địa $A = C + I + G$
- Ví dụ:
 - Thu nhập $<$ Chi tiêu \Rightarrow ?
 - Tài trợ?
 - Tài trợ ngắn hạn và dài hạn?
 - Thu nhập $<$ Chi tiêu \Rightarrow luôn luôn xấu?



Của cải và sản lượng – yếu tố nào quan trọng hơn?

- Của cải = Tiền + Tài sản khác
- Sản lượng = Sản phẩm và dịch vụ
- Giá tài sản (tài chính+BĐS) và Hiệu ứng của cải?
- Vay và cho vay: Mong muốn gì?
 - Cá nhân
 - Quốc gia
- Kết luận: Sản lượng!